

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: *726* /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày *15* tháng *7* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển số lượng (lần 08) các mặt hàng trúng thầu
Gói thầu số 01: Thuốc Generic

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Xét đề nghị của các đơn vị về việc điều chuyển số lượng các mặt hàng trúng thầu của gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Mua thuốc tập trung tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển (lần 08) số lượng 32 khoản đã trúng thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic (Đính kèm phụ lục các mặt hàng, số lượng trước điều chuyển và sau điều chuyển của các đơn vị).

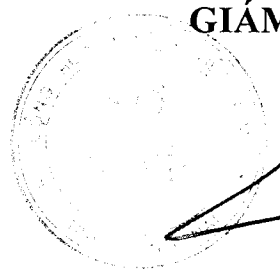
Điều 2. Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các đơn vị); các nhà thầu có mặt hàng trúng thầu được điều chuyển (lần 08) tại Điều 1 căn cứ vào Quyết định này để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các đơn vị và các nhà thầu có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website SYT (đăng tải);
- BHXH tỉnh (để phối hợp chi đạo);
- Lưu: VT, BMT.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

PHỤ LỤC
DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU ĐIỀU CHUYỂN (LẦN 08)
GÓI THẦU SỐ 01: THUỐC GENERIC

(Đính kèm Quyết định số: 726 /QĐ-SYT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế)

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

ST T	STT trong HS MT	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
1	170	TPA000601	Fentanyl	0,1mg/2ml	Dung dịch tiêm	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML	VN-17326-13	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 2 ml	Ống	11.800	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN		
															30.000	2.000	28.000	2.300	2.000	4.300
3	170	TPA000601	Fentanyl	0,1mg/2ml	Dung dịch tiêm	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML	VN-17326-13	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 2 ml	Ống	11.800	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN		
															43.000	500	42.500	2.300	500	2.800
4	171	TPA000602	Fentanyl	0,5mg/10ml	Dung dịch tiêm bắp hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Fentanyl 0.5mg-Rotexmedica	VN-18442-14	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	Hộp 10 ống x 10ml	Ống	23.940	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN		
															750	230	520	500	230	730
5	171	TPA000602	Fentanyl	0,5mg/10ml	Dung dịch tiêm bắp hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Fentanyl 0.5mg-Rotexmedica	VN-18442-14	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	Hộp 10 ống x 10ml	Ống	23.940	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN		
															1.500	500	1.000	500	500	1.000
6	171	TPA000602	Fentanyl	0,5mg/10ml	Dung dịch tiêm bắp hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Fentanyl 0.5mg-Rotexmedica	VN-18442-14	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	Hộp 10 ống x 10ml	Ống	23.940	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN		
															550	50	500	500	50	550
7	13	TPA101104	Acid amin*	5%; 250ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Aminoplasmal B.Braun 5% E	VN-18161-14	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	Chai	67725	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN		
															900	100	800	300	100	400

TT tr g HS MT	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
99	TPA0 18302	Ceftriaxon	2g	Bột pha dung dịch tiêm	Ceftriaxon Stragen 2g	VN- 20720- 17	Mitim s.r.l	Italy	Hộp 10 lọ	Lọ	96.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	2079/ QĐ- SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN			
														36.000	3.000	33.000	1.500	3.000	4.500	
99	TPA0 18302	Ceftriaxon	2g	Bột pha dung dịch tiêm	Ceftriaxon Stragen 2g	VN- 20720- 17	Mitim s.r.l	Italy	Hộp 10 lọ	Lọ	96.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	2079/ QĐ- SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN			
														12.000	1.000	11.000	1.500	1.000	2.500	
081	TV00 0052	Atorvastati n + Ezetimibe	10mg + 10mg	Viên nén bao phim	Gon Sa Atzeti	VD- 30340- 18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	4.480	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	2079/ QĐ- SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN			
														75.000	75.000	0	4.500	75.000	79.500	
28	TP06 6201	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/ gói 20g	Hỗn dịch uống	Phosphalugel	VN- 16964- 13	Pharmatis	Pháp	Hộp 26 gói x 20g	Gói	3.751	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	2079/ QĐ- SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN			
														120.000	40.000	80.000	0	40.000	40.000	
157	TK08 2101	Immune globulin	2,5g/50 ml	Dung dịch tiêm	ProIVIG	QLSP- 0764-13	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd	Ấn Độ	Hộp 01 chai 50ml	Chai	2.490.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2079/ QĐ- SYT	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC ĐỒNG NAI			
														1.500	120	1.380	68	120	188	
93	TPA0 47803	Nitroglycer ine	5mg/1, 5ml	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Trinitrina	VN- 21228- 18	Fisiopharma SRL	Italy	Hộp 10 ống x 1,5 ml	Ống	42.800	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	2079/ QĐ- SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẮNG BOM			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			
														4.500	2.000	2.500	7.500	2.000	9.500	

ST T	STT tron g HS MT	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
14	26	TPA005902	Allopurinol	300mg	Viên nén	Milurit	VN-14161-11	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	2.185	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															62.000	5.000	57.000	23.500	5.000	28.500
15	298	TPA053501	Milrinon	10mg/10ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Milrinone 1mg/ml	4830/QLD-KD	Cenexi	France	Hộp 2 x 5 ống tiêm 10ml	Ống	1.649.949	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															65	15	50	0	15	15
16	205	TPA054401	Iloprost (dưới dạng Iloprost trometamol)	20mcg/ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Ilomedin 20	VN-19390-15	Berlimed S.A	Tây Ban Nha	Hộp 5 ống 1ml	Ống	623.700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															1.425	100	1.325	0	100	100
17	1992	TT049102	Amlodipin	5mg	Viên nén	Kavasdin 5	VD-20761-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	90	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2172/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH		
															1.000.000	200.000	800.000	0	200.000	200.000
18	1992	TT049102	Amlodipin	5mg	Viên nén	Kavasdin 5	VD-20761-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	90	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2172/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH		
															570.000	100.000	470.000	0	100.000	100.000
19	454	TPA046901	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	6%, 500ml	Dung dịch truyền	Volulyte 6%	VN-19956-16	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml; Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Túi	89.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH		
															225	25	200	0	25	25

STT	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
54	TPA046901	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	6%, 500ml	Dung dịch truyền	Volulyte 6%	VN-19956-16	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefin e (freeflex) 500ml; Thùng 20 túi Polyolefin e (freeflex) 500ml	Túi	89.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			
														200	20	180	0	20	20	
94	TP071201	Macrogol 4000 + Anhydrous sodium sulfate + Sodium bicarbonate + Sodium chloride + Potassium chloride	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Bột pha dung dịch uống	Fortrans	VN-19677-16	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 4 gói	Gói	29.999	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			
														14.800	1.000	13.800	0	1.000	1.000	
27	TT022001	Clarithromycin	500mg	Viên nén bao phim	Clarithromycin 500	VD-22171-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2.072	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			
														30.000	3.000	27.000	0	3.000	3.000	
91	T2.179.217	Cefamandol 1	0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Cefamandol 0,5g	VD-31705-19	Chi nhánh 3 - Công ty CP Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 01 lọ; hộp 10 lọ	Lọ	55.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			
														4.500	4.500	0	0	4.500	4.500	
91	TV017501	Cefoxitin	2g	Bột pha tiêm	Fisulty 2g	VD-24716-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Lọ	91.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI	2172/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			
														4.500	2.000	2.500	7.500	2.000	9.500	

ST T	STT tron g HS MT	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
25	46	TPA015801	Ampicilin + Sulbactam	1g + 0,5g	Bột pha tiêm	Ama Power	VN-19857-16	S.C.Antibiotice S.A.	Roma ni	Hộp 50 lọ	Lọ	62.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	2079/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															7.500	2.000	5.500	2.100	2.000	4.100
26	95	TPA017101	Cefoperazon	2g	Bột đông khô pha tiêm	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection	VN-20733-17	Balkanpharma-Razgrad AD	Bulga ria	Hộp 5 lọ	Lọ	105.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN SINH	2079/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															3.000	2.000	1.000	2.750	2.000	4.750
27	1790	TV079501	Progesteron	100mg	Viên nang mềm	Miprotone	VD-23281-15	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/3 vỉ x 10 viên	viên	4.500	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ		
															14.500	3.000	11.500	900	3.000	3.900
28	1790	TV079501	Progesteron	100mg	Viên nang mềm	Miprotone	VD-23281-15	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/3 vỉ x 10 viên	viên	4.500	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	2079/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ		
															4.500	3.000	1.500	900	3.000	3.900
29	1896	TV052701	Telmisartan + hydroclorothiazid	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hangitor plus	VD-28544-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.386	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ		
															1.200.000	10.000	1.190.000	6.000	10.000	16.000
30	1896	TV052701	Telmisartan + hydroclorothiazid	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hangitor plus	VD-28544-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.386	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ		
															150.000	10.000	140.000	6.000	10.000	16.000
31	2041	TT080003	Gliclazid	80mg	Viên nén	Glycinorm-80	VN-19676-16	Ipca Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2.669	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH	2079/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN			TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒ		
															180.000	20.000	160.000	60.000	20.000	80.000
32	2041	TT080003	Gliclazid	80mg	Viên nén	Glycinorm-80	VN-19676-16	Ipca Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2.669	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH	2079/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒ		
															105.000	20.000	85.000	60.000	20.000	80.000

Tổng cộng : 32 khoản